

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ GIA MẬP  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **23/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/8/2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Thoại

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Phạm Đình Thạch

Bà Nguyễn Thị Mùa

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Thị Ngân – Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 24/2019/HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST – DS ngày 26 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Trương Thụy Tuyết Tr** – SN: 1990 (có mặt)

Địa chỉ: số nhà a, đường số 6, tổ 6, thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh B

- Bị đơn: **Anh Phạm Văn T** – SN: 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã B, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thụy Tuyết Tr trình bày:*

Chị Trương Thụy Tuyết Tr và anh Phạm Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thắng, huyện Phước Long vào năm 2008. Trong quá trình chung sống chị Tr và anh T không hợp về tính cách cũng như thói quen sinh hoạt dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có sự chia sẻ và không ai quan tâm đến ai. Chị Tr và anh T đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phạm Văn T:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập hợp lệ cho anh T, nhưng anh T cố tình vắng mặt không có lý do và không cung cấp lời trình bày kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

- Theo Biên bản xác minh ngày 03 tháng 4 năm 2019 tại UBND xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước có nội dung:

Chị Trương Thụy Tuyết Tr và anh Phạm Văn T từ trước đến nay không có đơn gửi Ủy ban nhân dân xã Bình Thắng hòa giải về mâu thuẫn hôn nhân. Do đó Ủy ban nhân dân xã Bình Thắng không biết giữa chị Tr và anh T có mâu thuẫn gì, chỉ biết chị Tr và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập vào ngày 03/10/2008.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về “Ly hôn”, do nguyên đơn chị Trương Thụy Tuyết Tr thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn anh Phạm Văn T trú tại thôn 5, xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[2] Bị đơn anh Phạm Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thụy Tuyết Tr và anh Phạm Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thắng, huyện Phước Long vào ngày 03/10/2008. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo chị Tr trình bày trong quá trình chung sống chị Tr và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do không hợp nhau, dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị Tr và anh T đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Tr và anh T không còn hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr, cho chị Tr ly hôn anh T theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trương Thụy Tuyết Tr phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thụy Tuyết Tr.

Quyết định cho chị Trương Thụy Tuyết Tr ly hôn anh Phạm Văn T.

**2.** Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Tr phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019673 ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Phần án phí chị Tr đã thi hành xong.

**4.** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/8/2019). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- VKS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Bù Gia Mập;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Thoại**